

Số: 1020/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khiếu nại;
tố cáo; tiếp công dân; xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; cấp huyện
và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực khiếu nại; tố cáo; tiếp công dân; xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực khiếu nại; tố cáo; tiếp công dân; xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC.

CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt

**DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHIẾU NẠI; TỐ CÁO; TIẾP CÔNG DÂN; XỬ LÝ ĐƠN THƯ;
PHÒNG CÔNG THAM NHŨNG THUỘC THĂM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, UBND CẤP HUYỆN,
UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành theo Nghị định số: 1000/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THĂM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết;</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết.</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh;</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.</p>	Không	<p>- Luật Khiếu nại năm 2011;</p> <p>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết khiếu nại lần hai	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính.
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo					
1	Giải quyết tố cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. - Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
III. Lĩnh vực tiếp công dân					
1	Tiếp công dân	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp công dân của UBND tỉnh; - Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư					
1	Xử lý đơn thư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND tỉnh; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Tiếp công dân; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
V. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng					
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND tỉnh; - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ hoặc người được giao nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
2	Thủ tục công khai bán kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND tỉnh; - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ hoặc người được giao nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND tỉnh; - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ hoặc người được giao nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình (Mẫu số 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư 02/2014/TT-TTCCP ngày 29/4/2014).	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND tỉnh; - Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ hoặc người được giao nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ về quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	<p>Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p>	<p>- Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ hoặc người được giao nhiệm vụ của UBND tỉnh;</p> <p>- Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.</p>	Không	<p>- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ về quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-TTTP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết;</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết;</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>- Luật Khiếu nại năm 2011;</p> <p>- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>

2	Giải khiếu nại lần hai	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết;</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết;</p> <p>Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>- Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo					
1	Giải quyết tố cáo	<p>- Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.</p> <p>- Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<p>- Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo;</p> <p>- Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính của Thanh tra Chính phủ.</p>

III. Lĩnh vực tiếp công dân

		<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p>	<p>Bộ phận tiếp công dân của UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>
--	--	---	---	--------------	--

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

1	<p>Xử lý đơn thư</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p>
---	----------------------	---	--	--------------	---

V. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

1	<p>Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập</p>	<p>Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
2	<p>Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập</p>	<p>Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCT đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao trách nhiệm của UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao trách nhiệm của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình.	Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	<p>Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp huyện</p>	Không	<p>- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>
---	-----------------------------------	---	--	-------	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao do Thanh tra Chính phủ ban hành. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo					

1	Giải quyết tố cáo	<p>Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
---	-------------------	---	---	-------	---

III. Lĩnh vực tiếp công dân

1	Tiếp công dân	<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p>	<p>Bộ phận tiếp công dân của UBND cấp xã</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
---	---------------	---	--	-------	--

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

	<p>1</p> <p>Xử lý đơn thư</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. - Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
--	-------------------------------	---	---	--------------	---

V. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

1	<p>Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập</p>	<p>Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
2	<p>Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập</p>	<p>Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai, quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH 11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; - Quyết định số 3164/QĐ-TTCTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

3	<p>Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình</p>	<p>Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p> <p>- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP 08/8/2013 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>
4	<p>Thủ tục thực hiện việc giải trình</p>	<p>Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p>	<p>Bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ, người được giao nhiệm vụ của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p> <p>- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn Nghị định 90/2013/NĐ-CP 08/8/2013 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.</p>